

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 2/HĐBT NGÀY 5-1-1988
VỀ VIỆC BAN HÀNH HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH
TRONG KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1988.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2,3 và 4 (khoá VI) về đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hoá;

Để cải tiến một bước hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh cho phù hợp tình hình hiện nay;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, danh mục sản phẩm, vật tư, hàng hoá trọng yếu, công trình trọng điểm và quan trọng của kế hoạch Nhà nước năm 1988 giao cho các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Sửa đổi cách giao chỉ tiêu kế hoạch vật tư, hàng hoá như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao pháp lệnh một số loại vật tư, thiết bị trọng yếu (danh mục kèm theo). Đối với một số loại vật tư thiết bị quan trọng có liên quan đến nhiều ngành ngoài danh mục Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao pháp lệnh thì uỷ quyền cho Chủ nhiệm Ủy

ban Kế hoạch Nhà nước giao kế hoạch. Các loại vật tư thiết bị còn lại phân cấp cho các Bộ, các địa phương, đơn vị cơ sở quản lý và mua bán theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế.

2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao chỉ tiêu pháp lệnh nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các Bộ phụ trách cung ứng. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông báo hạn mức vật tư được sử dụng cho các Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố có nhu cầu để chủ động bố trí kế hoạch.

3. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao cho một số Tổng Công ty, Liên hiệp xí nghiệp trung ương chỉ tiêu pháp lệnh về thu mua, xuất khẩu một số hàng nông, lâm, thủy sản, đồng thời giao cho các Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp này chi phối theo kế hoạch quỹ vật tư, hàng hoá để ký hợp đồng thu mua, xuất khẩu.

Các tổ chức cung ứng vật tư hàng hoá có trách nhiệm ký hợp đồng bán vật tư hàng hoá theo kế hoạch cho các Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch thu mua, xuất khẩu.

Các Tổng Công ty, Liên hiệp xí nghiệp trung ương nói trên chịu trách nhiệm quyết toán với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính về số vật tư, hàng hoá đã nhận tương ứng với khối lượng hàng nông, lâm, thủy sản mua được.

4. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao cho một số Tổng Công ty ngành hàng của Bộ Nội thương chi phối theo kế hoạch quỹ vật tư để tổ chức gia công hoặc đấu thầu sản xuất những hàng tiêu dùng điều động cho nhu cầu trung ương. Phần vật tư cho sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp tiêu dùng tại địa phương vẫn giao cho địa phương chi phối.

Điều 3. Sửa đổi cách giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản như sau: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao cho các Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố chỉ tiêu pháp lệnh như tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách Nhà nước chia theo cơ cấu đầu tư theo mục tiêu; danh mục một số công trình quan trọng và công trình trọng điểm được cân đối với một số vật tư trọng yếu.

Số vốn đầu tư và vật tư còn lại do các Bộ, Tổng cục, các địa phương bố trí cụ thể và đăng ký danh mục công trình với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính.

Điều 4. Về đơn vị do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp giao kế hoạch.

1. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp giao một số chỉ tiêu pháp lệnh quan trọng cho các Bộ, Tổng cục và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thuộc

danh mục kèm theo Quyết định này.

2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp giao chỉ tiêu pháp lệnh cho một số Tổng công ty, Liên hiệp xí nghiệp trung ương; đồng thời giao pháp lệnh cho các Bộ, Tổng cục chủ quản để chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch.

Điều 5. Ủy quyền Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao một số chỉ tiêu khác nhằm cụ thể hoá và hướng dẫn thêm danh mục sản phẩm do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao pháp lệnh cho các đơn vị trong danh sách quy định ở điều 4.

Đối với các Bộ, Tổng cục, các cơ quan trung ương khác, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao kế hoạch; uỷ quyền Bộ trưởng Bộ Vật tư và Bộ trưởng các Bộ phụ trách cung ứng thông báo chỉ tiêu vật tư.

Điều 6. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh quy định tại Quyết định này, giao kế hoạch cho cấp dưới. Đồng thời, có thể giao thêm một số chỉ tiêu hướng dẫn nhằm giúp cấp dưới và cơ sở thực hiện tốt các chỉ tiêu pháp lệnh.

Điều 7. Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh này áp dụng trong việc giao kế hoạch năm 1988; bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 8. Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Tổng Công ty, Liên hiệp xí nghiệp thuộc diện Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao kế hoạch trực tiếp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 9. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định này.

DANH MỤC

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH CỦA KẾ HOẠCH NĂM 1988

I. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH DO CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG GIAO CHO CÁC BỘ, TỔNG CỤC (PHẦN BỘ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ)

1. Sản xuất công nghiệp.

Số lượng và chất lượng sản phẩm chủ yếu tiêu thụ theo địa chỉ quy định; trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu (nếu có).

2. Sản xuất nông nghiệp.

- Số lượng và chất lượng sản phẩm chủ yếu tiêu thụ theo địa chỉ quy định; trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu (nếu có).

- Diện tích trồng mới cây lâu năm (một số cây công nghiệp, cây ăn quả hợp tác với nước ngoài).

3. Xây dựng.

- Giá trị sản lượng xây lắp.

- Danh mục công trình và hạng mục công trình trọng điểm và quan trọng hoàn thành ban giao.

4. Lâm nghiệp.

Diện tích rừng trồng mới tập trung theo quy hoạch, trong đó diện tích rừng nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ.

5. Vận tải.

- Khối lượng vận tải một số mặt hàng (than, xi măng, phân bón, lương thực) cho một số nhiệm vụ chủ yếu và theo tuyến chủ yếu,

- Khối lượng hàng hoá thông qua các cảng biển.

6. Bưu điện.

Giá trị nghiệp vụ bưu điện.

7. Thương nghiệp, cung ứng vật tư - kỹ thuật.

- Giá trị và số lượng một số mặt hàng chủ yếu trung ương bán cho địa phương.

- Giá trị và số lượng một số mặt hàng chủ yếu thu mua và điều động.

- Số lượng lương thực, hàng hoá chủ yếu, vật tư kỹ thuật bổ sung cho dự trữ Nhà nước.

- Nhiệm vụ cung ứng vật tư, thiết bị cho các Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố, trong đó ghi rõ chỉ tiêu cung ứng cho những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu, cho những cơ sở sản xuất và công trình trọng điểm, quan trọng (giao cho các Bộ cung ứng).

8. Xuất khẩu, nhập khẩu.

- Tổng giá trị (rúp, đôla) và số lượng một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu, chia ra thị trường xã hội chủ nghĩa, thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa.

- Tổng giá trị (rúp, đôla) và số lượng một số mặt hàng chủ yếu nhập khẩu, chia ra thị trường xã hội chủ nghĩa, thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa.

9. Đầu tư cơ bản.

- Tổng mức vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước (vốn xây lắp, vốn thiết bị) chia theo cơ cấu đầu tư, theo mục tiêu.

- Danh mục công trình trọng điểm và quan trọng đầu tư trong năm (ghi rõ vốn cho từng công trình).

- Năng lực sản xuất mới huy động và giá trị tài sản cố định mới tăng.

- Danh mục công trình quan trọng chuẩn bị đầu tư.

- Danh mục công trình khảo sát, thiết kế hoàn thành bàn giao phục vụ xây dựng.

- Sản lượng khảo sát thiết kế.

10. Đào tạo, phân phối cán bộ, công nhân kỹ thuật.

- Số học sinh tuyển mới (nghiên cứu sinh, đại học, cao đẳng).

- Số công nhân kỹ thuật đào tạo mới (ngoài nước).

11. Khoa học - kỹ thuật và điều tra cơ bản.

- Nhiệm vụ thăm dò địa chất, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường và kinh phí.

- Nhiệm vụ áp dụng kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất và kinh phí.

12. Tài chính, tiền tệ.

- Các khoản nộp ngân sách bao gồm thu quốc doanh (hoặc thuế) lợi nhuận, khấu hao cơ bản, chênh lệch giá (nếu có) cho các Bộ, Tổng cục.

- Tổng số thu, tổng số chi ngoại tệ cụ thể cho một số khoản mục chính (giao cho những Bộ, Tổng cục có quan hệ kinh tế đối ngoại).

- Tổng mức phát hành (giao cho Ngân hàng Nhà nước).

II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH DO CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG GIAO CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Vật tư, hàng hoá.

Giá trị và số lượng một số mặt hàng chủ yếu địa phương bán cho trung ương, trong đó cho xuất khẩu, quốc phòng, an ninh (nếu có).

2. Đầu tư cơ bản.